

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 301/2022/HNST ngày 10/10/2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà TTTN, sinh năm 1980;

Địa chỉ: 210 Lô C chung cư HV, Phường A, QUẬN X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông LTH, sinh năm 1977 ;

Địa chỉ: 210 Lô C chung cư HV, Phường A, QUẬN X, Thành phố Hồ Chí Minh..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Tòa án đã tiến hành hòa giải để Bà TTTN và Ông LTH đoàn tụ nhưng không thành vào ngày **31/10/2022**. Bà N và ông H đã thật sự tự nguyện ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về con chung: Bà N và ông H có 02 con chung là LPT, sinh ngày 24/5/2001 và Lê Phước Tài, sinh ngày 24/5/2001. Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, tòa án không xét.

[3] Về tài sản chung: Bà TTTN và Ông LTH cùng khai trong quá trình chung sống hai bên không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà TTTN và Ông LTH cùng khai trong quá trình chung sống hai bên không có thiếu nợ chung hay phải thực hiện nghĩa vụ dân sự chung với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà TTTN và Ông LTH thỏa thuận mỗi người chịu 50% lệ phí Tòa án về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà TTTN và Ông LTH thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Bà N và ông H có 02 con chung là LPT, sinh ngày 24/5/2001 và Lê Phước Tài, sinh ngày 24/5/2001. Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, tòa án không xét.

- Về tài sản chung: Bà TTTN và Ông LTH cùng khai trong quá trình chung sống hai bên không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và việc thực hiện nghĩa vụ dân sự chung: Bà TTTN và Ông LTH cùng khai trong quá trình chung sống hai bên không có thiếu nợ chung hay phải thực hiện nghĩa vụ dân sự chung với ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do Bà TTTN và Ông LTH mỗi người chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí Tòa án, Bà N và ông H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0010213 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự QUẬN X, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N và ông H đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND QUẬN X;
- Chi cục THADS QUẬN X;
- UBND xã Nhơn Bình, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long (GCNKH số 16; Quyền số 01 ngày 22/5/2000);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Kim Liên